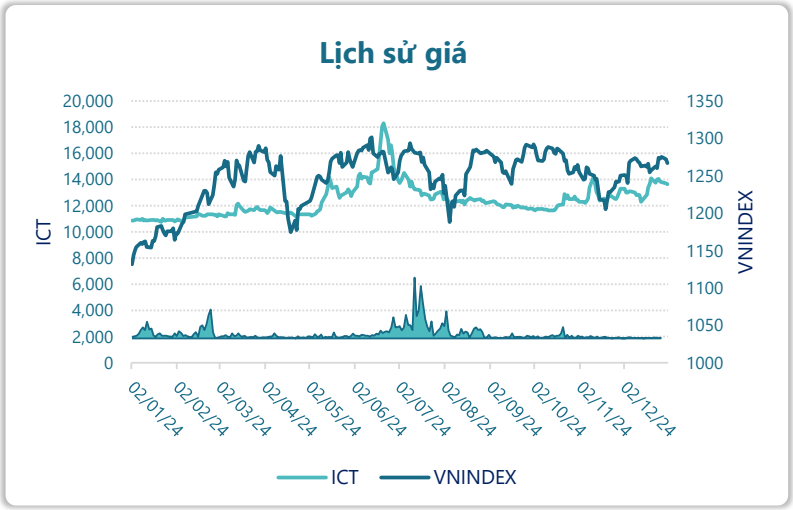
FireAnt

CTCP Viễn thông - Tin học Bưu điện (HSX: ICT)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,650**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,303
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,761
SL cổ phiếu LH	32,185,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	85,340
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	439
P/E	13.7
EPS	995

DT thuần

Q4/24

297

tỷ VNĐ

QoQ: ▼189| -38.8%

YoY: ▼335| -53.0%

LN sau thuế

Q4/24

13.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.1| 732%

YoY: ▼1.90| -12.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

3.1%

+/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần

2024

1,573

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 77.0| 5.1%

LN sau thuế

2024

31.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 16.2| 108%

ROE

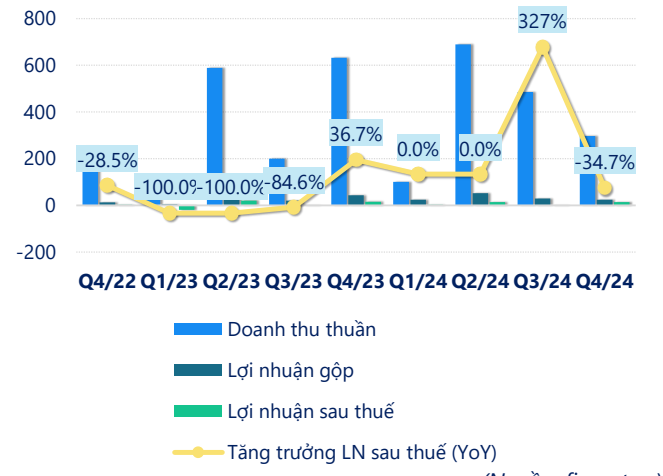
2024

4.8%

+/- YoY: ▲ 2.5%

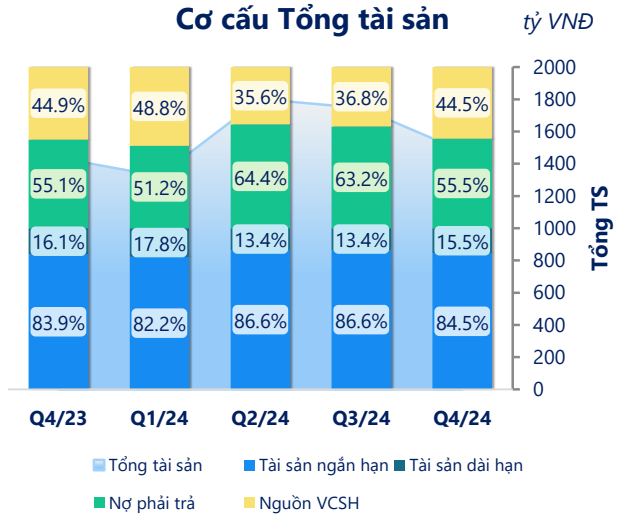
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



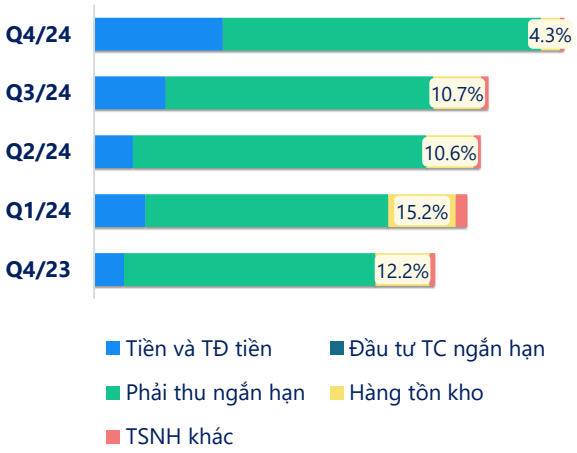
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



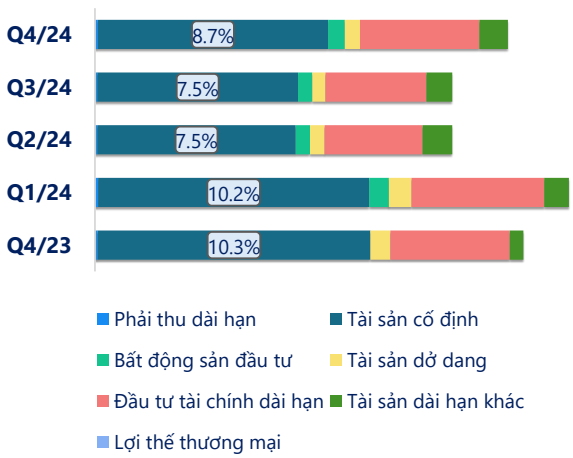
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



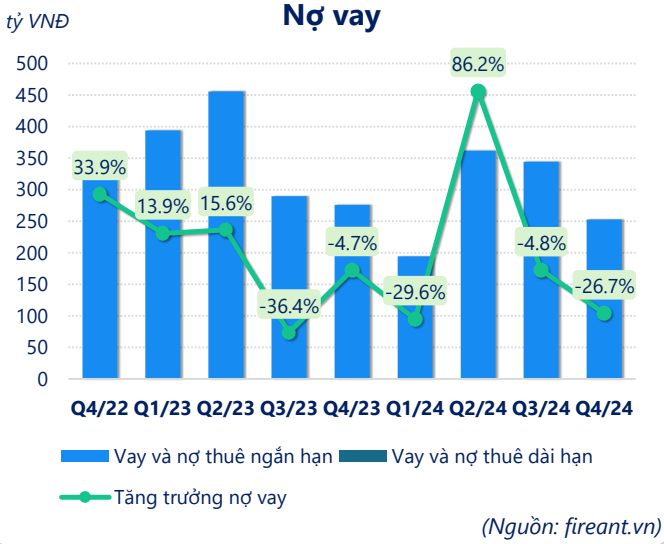
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



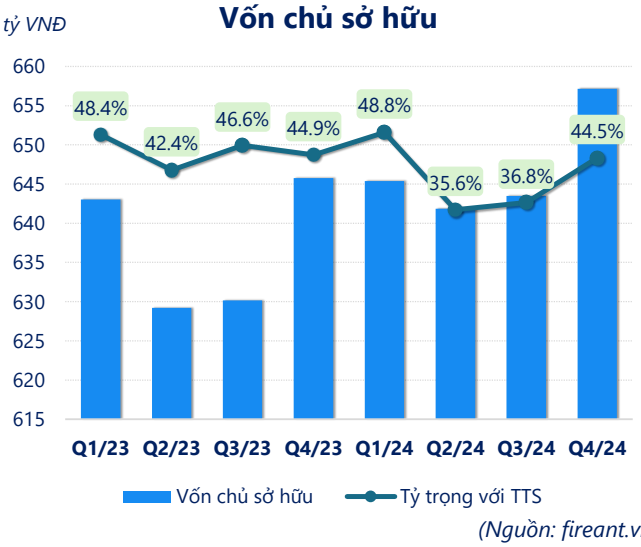
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



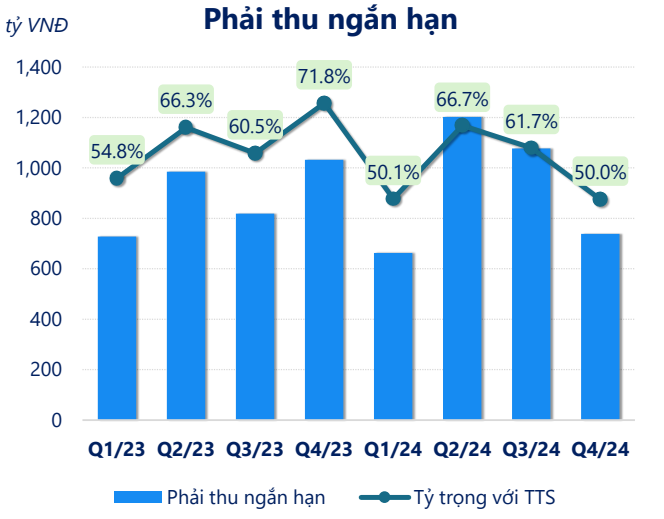
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



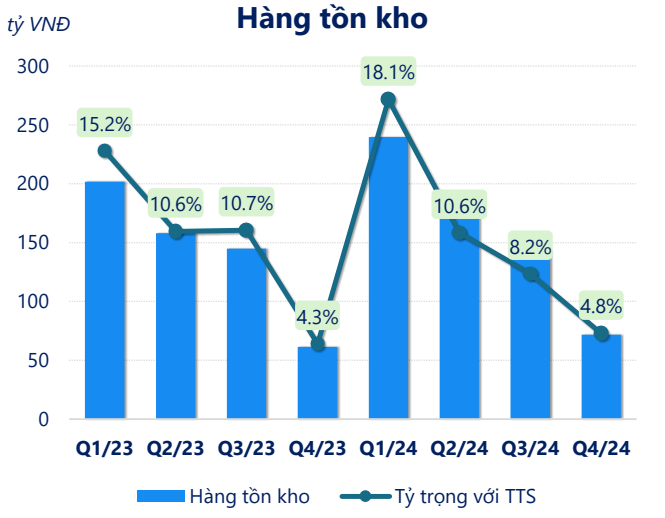
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



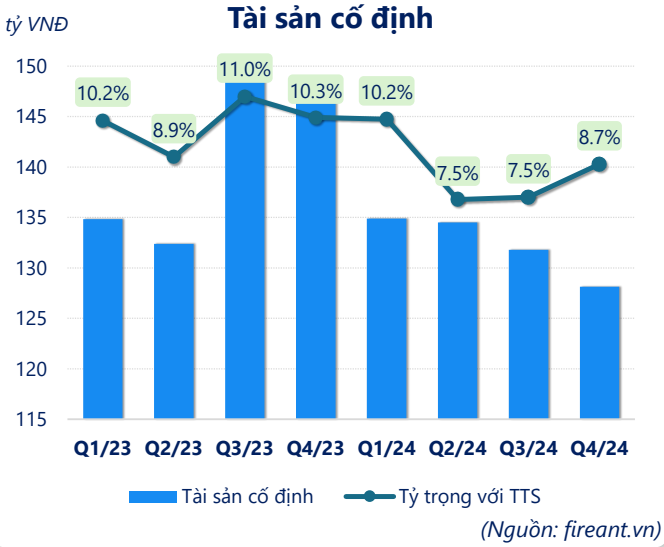
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



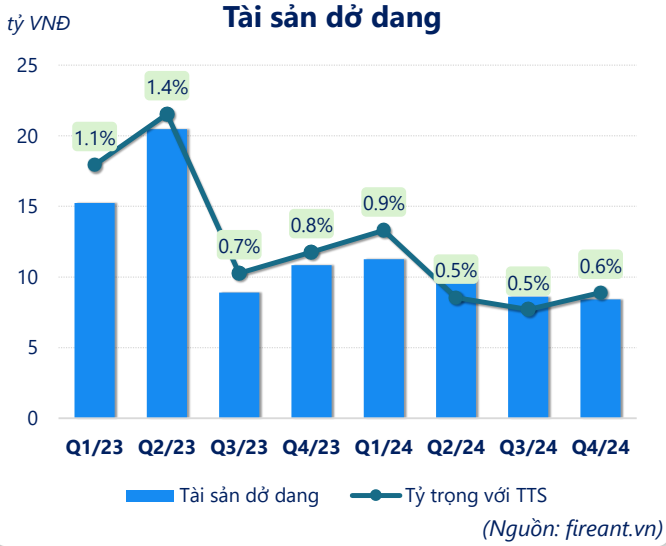
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



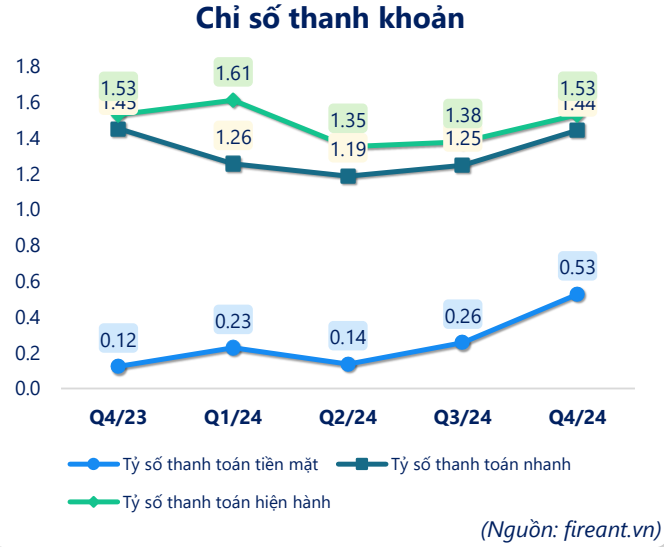
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



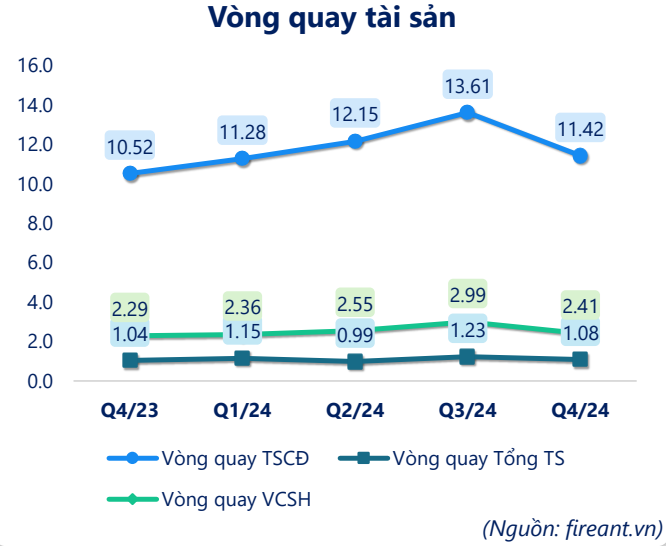
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,437**	**1,323**	**1,801**	**1,746**	**1,478**
Tài sản ngắn hạn	**1,205**	**1,087**	**1,559**	**1,512**	**1,249**
Tiền và tương đương tiền	97.3	154	157	282	430
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,032	663	1,202	1,077	739
Hàng tồn kho	61.4	240	190	144	71.7
Tài sản ngắn hạn khác	14.8	30.5	9.68	8.69	8.41
Tài sản dài hạn	**232**	**236**	**242**	**235**	**230**
Phải thu dài hạn	1.46	1.57	1.57	1.57	1.55
Tài sản cố định	147	135	134	132	128
Bất động sản đầu tư	0	9.74	9.56	9.39	9.21
Tài sản dở dang	10.8	11.3	9.85	8.60	8.41
Đầu tư tài chính dài hạn	64.6	66.1	66.4	66.4	66.4
Tài sản dài hạn khác	7.33	12.3	20.2	16.9	15.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**791**	**678**	**1,159**	**1,103**	**821**
Nợ ngắn hạn	**788**	**675**	**1,153**	**1,097**	**816**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	276	194	362	344	253
Phải trả người bán ngắn hạn	415	372	586	552	402
Nợ dài hạn	3.47	2.77	5.97	6.15	5.46
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**646**	**645**	**642**	**643**	**657**
Vốn chủ sở hữu	**646**	**645**	**642**	**643**	**657**
Vốn điều lệ	322	322	322	322	322
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)